

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **2807** /BTC-HCSNHà Nội, ngày **29** tháng **3** năm 2023

V/v trả lời vướng mắc của địa
phương về triển khai thực hiện
các CTMTQG giai đoạn 2021-
2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính trả lời các câu hỏi vướng mắc của các địa phương liên quan đến 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 để các địa phương được biết và triển khai thực hiện (Chi tiết theo các phụ lục 01, 02 và 03 đính kèm)./. **y**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTCP Trần Lưu Quang (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ GDĐT; Bộ KHĐT;
- Bộ LĐTBXH; Bộ NNPTNT;
- Bộ VHTTDL; Bộ TTTT; Bộ Y tế;
- UBND; TW Hội LHPN Việt Nam;
- Các Vụ NSNN, PC;
- Lưu: VT, HCSN.(10b) **y**

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Võ Thanh Hưng**

Phụ lục I
CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

(Kèm theo công văn số 2807/BTC-HCSN ngày 29/3/2023 của Bộ Tài chính)

1. Nội dung kiến nghị số 03 (tỉnh Khánh Hòa)

Việc thực hiện Tiểu dự án 3 của Dự án 4 tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ có quy định về nội dung: “hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu”. Tuy nhiên, căn cứ theo Thông tư số 46/2022/TT-BTC và Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH không có nội dung này nên cơ quan chủ quản bị vướng mắc có được triển khai nội dung trên hay không.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) đã có công văn số 3617/LĐTBXH-VL ngày 19/9/2022 hướng dẫn Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện Tiểu dự án “Hỗ trợ việc làm bền vững” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 sử dụng vốn đầu tư phát triển; theo đó, nội dung hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu sử dụng vốn đầu tư phát triển.

2. Nội dung kiến nghị số 15, 38, 42 và 45 (tỉnh Phú Thọ, Bình Thuận, Lâm Đồng, Tiền Giang)

- Địa phương gặp khó khăn thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 4 (Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn):

(1) Tại Điều 16 Thông tư số 46/2022/TT-BTC quy định nội dung phát triển giáo dục nghề nghiệp chỉ thực hiện trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo. Thực tế giai đoạn 2021-2025, Phú Thọ không còn huyện nghèo, do đó triển khai thực hiện được Tiểu dự án 1, Dự án 4.

(2) Tuy nhiên, theo Chương II Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện dự án 1 Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn, theo đó tỉnh Phú Thọ thuộc đối tượng thụ hưởng của Tiểu dự án 1, Dự án 4.

- Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Tại Mục 4-Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Điều 16-Phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo): Các khoản 1, 7, 8 đều có quy định áp dụng cho các địa phương có huyện nghèo. Riêng các khoản còn lại không quy định. Ví dụ: “1. Chi hỗ trợ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo:”, “7. Chi khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo:” và “8. Chi phát triển

mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo”. Như vậy, Điều 16 của Thông tư số 46/2022/TT-BTC được áp dụng cho tất cả các địa phương có huyện nghèo hay chỉ áp dụng theo các nội dung tại các khoản 1,7,8 thôi?

- Tại Điều 16 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “Phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo”; Tuy nhiên, nhiều huyện trên địa bàn tỉnh cũng như huyện Lâm Hà không thuộc huyện nghèo theo quy định trên nhưng được bố trí nguồn vốn phát triển giáo dục nghề nghiệp. Vậy các huyện trên địa bàn tỉnh và huyện Lâm Hà có được chi đào tạo nghề dưới 3 tháng cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp được quy định tại điểm a khoản 9 Điều 16 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 đề xuất có hướng dẫn cụ thể?

- Tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn rõ phạm vi điều chỉnh thực hiện Tiểu dự án 1 (Dự án 4) phù hợp theo quy định của Quyết định số 90/QĐ-TTg.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại điểm a khoản 4 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg quy định Tiểu dự án 1 – Dự án 4 – Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn; tuy nhiên, theo quy định hiện hành không có văn bản quy định “vùng nghèo”.

- Tại Điều 16 Thông tư số 46/2022/TT-BTC đã quy định tên Điều 16 – Phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo. Nội dung Điều 16 đã quy định nội dung và mức chi đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo người lao động có thu nhập thấp.

Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các địa phương, hiện nay Bộ Tài chính đang phối hợp với Bộ LĐTBXH nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 46/2022/TT-BTC, trong đó có sửa tên Điều 16 để bao quát các nội dung hoạt động quy định tại điểm a khoản 4 Mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg và nội dung, mức chi quy định tại Điều 16 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

3. Nội dung kiến nghị số 21 (tỉnh Sơn La)

Đề nghị nguồn vốn sự nghiệp thuộc 03 CTMTQG, thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ các công trình chưa có hướng dẫn về cách lập dự toán thực hiện. Dự toán duy tu, bảo dưỡng sửa chữa nhỏ lập theo dạng dự toán thực hiện như công trình đầu tư thông thường (Theo Thông tư 65/2021/TT-BTC, áp dụng hướng dẫn Bộ xây dựng, đơn giá xây dựng đầy đủ) hay lập theo dạng dự toán thực hiện như công trình đầu tư theo cơ chế đặc thù.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Điểm a và điểm c khoản 3 Điều 15 Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định:

a) Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và quy định của pháp luật chuyên ngành về công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình (nếu có);

c) Riêng đối với kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

- Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định:

Việc quản lý, thanh toán kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC và các văn bản chuyên ngành quy định về công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình (nếu có). Ngoài ra, việc lập dự toán, giao dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

- Khoản 4 Điều 48 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định:

a) Việc quản lý, thanh toán kinh phí sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và các văn bản chuyên ngành quy định về công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình (nếu có);

b) Thanh toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) và Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 62/2020/TT-BTC);

c) Riêng việc lập dự toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 49 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

Do vậy, đối với kinh phí duy tu, bảo dưỡng từ nguồn ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC và Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung. Riêng đối với kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 46/2022/TT-BTC, Điều 17 Thông tư số 15/2022/TT-BTC, Điều 49 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

4. Nội dung kiến nghị số 28 (tỉnh Quảng Ninh)

Thông tư số 46/2022/TT-BTC chưa hướng dẫn đối với quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương (NSDP). Vì vậy, địa phương tự cân đối ngân sách chưa có căn cứ để thực hiện.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Tại điểm a khoản 3 Mục VI phụ lục đính kèm Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 giao Bộ Tài chính chủ trì hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh toán kinh phí nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình nên Bộ Tài chính không có cơ sở pháp lý để hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện từ nguồn NSDP. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, tại điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 46/2022/TT-BTC đã quy định “*Đối với các hoạt động, dự án thuộc Chương trình có lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác được áp dụng quy định tại Thông tư này theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này)*”. Theo đó, việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương được áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

5. Nội dung kiến nghị số 31 (tỉnh Ninh Bình)

Thông tư số 46/2022/TT-BTC chưa hướng dẫn cụ thể nội dung chi tại Chương III về quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác tại Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH. Do vậy, các địa phương khó khăn trong thực hiện Tiểu dự án 3, Dự án 4 của Chương trình.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 quy định:

“Hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác, gồm:

- a) Đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thông tin.*
- b) Thiết kế, tổ chức cơ sở dữ liệu về việc tìm người - người tìm việc, cơ sở dữ liệu về người lao động (sau đây gọi là cơ sở dữ liệu), hệ thống thông tin quản lý lao động.*
- c) Triển khai, xây dựng, phát triển ứng dụng điện tử đăng ký việc tìm người - người tìm việc; đăng ký việc làm.*
- d) Thu thập, chuẩn hóa, nhập dữ liệu.*
- đ) Lưu trữ, bảo mật, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý lao động.*
- e) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, tổ chức bộ máy nhân sự, vận hành, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý lao động.*
- g) Vận hành, hiệu chỉnh cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý lao động.*

h) Các hoạt động khác theo quy định pháp luật. ”

Theo quy định nêu trên, có một số nội dung bố trí từ vốn đầu tư để thực hiện như: Bảo đảm cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thông tin; Thiết kế, tổ chức cơ sở dữ liệu; Xây dựng, phát triển ứng dụng điện tử (điểm a, b, c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH) không thuộc phạm vi hướng dẫn sử dụng vốn sự nghiệp tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

Tại Điều 18 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính đã hướng dẫn cụ thể nội dung và mức chi từ nguồn vốn sự nghiệp (NSTW) thực hiện nhiệm vụ thu thập, phân tích, đào tạo tập huấn, chuẩn hóa, nhập dữ liệu... Đối với các nội dung hoạt động còn lại sử dụng vốn sự nghiệp, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ LĐTBXH nghiên cứu, rà soát sửa đổi, bổ sung Điều 18 Thông tư số 46/2022/TT-BTC để đảm bảo bao quát các nội dung, mức chi thực hiện các nội dung hoạt động theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg và Thông tư số 11/2022/TT-BLĐTBXH.

6. Nội dung kiến nghị số 32 (tỉnh Nghệ An)

Khoản 1 Điều 17 Thông tư số 46/2022/TT-BTC quy định người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài không được hỗ trợ chi phí đi lại từ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đến địa điểm đào tạo. Trong khi đó, cùng chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng, cùng đối tượng, cùng địa bàn thì theo khoản 1 Điều 25 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (PTKTXH VĐBDTTS&MN), người lao động là dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ chi phí đi lại, gây khó khăn trong công tác hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong việc chi trả hỗ trợ cho người lao động, đồng thời từ đó dẫn đến việc nhóm đối tượng nêu trên sẽ chỉ tham gia các lớp đào tạo theo CTMTQG PTKTXH VĐBDTTS&MN vì được hỗ trợ chi phí đi lại.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Tại điểm b khoản 4 Mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ không quy định nội dung hỗ trợ chi phí đi lại cho người lao động từ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đến địa điểm đào tạo; do vậy, Bộ Tài chính không đủ cơ sở để hướng dẫn nội dung và mức chi này tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC. Do đó, đề nghị Bộ LĐTBXH nghiên cứu kiến nghị của địa phương để trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Quyết định số 90/QĐ-TTg làm cơ sở Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung hỗ trợ chi phí đi lại.

7. Nội dung kiến nghị số 46 (tỉnh Kiên Giang)

Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC quy định chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn các dự án thuộc Chương

trình. Quy định này chưa cụ thể, không có mức chi và cũng không có dẫn chiếu đến văn bản hướng dẫn.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin được quy định tại nhiều văn bản (Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN và các văn bản hướng dẫn khác do Bộ Thông tin và Truyền thông là đơn vị chủ trì...); vì vậy, để đảm bảo bao quát, đầy đủ các hoạt động công nghệ thông tin, Bộ Tài chính đã quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC nội dung và mức chung của các dự án: “*Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn các nội dung thuộc Chương trình: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông*”. Theo đó, chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các hoạt động chuyên môn của các dự án thuộc chương trình được thực hiện theo các quy định hiện hành có liên quan nêu trên.

8. Nội dung kiến nghị số 48 (tỉnh Cà Mau)

Tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC chưa quy định rõ nguồn kinh phí thực hiện Dự án giảm nghèo về thông tin là nguồn ngân sách của trung ương (NSTW) hay nguồn NSDP.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 46/2022/TT-BTC quy định “*Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025*”

Do vậy, nội dung và mức chi thực hiện Dự án giảm nghèo về thông tin được quy định tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC từ nguồn kinh phí sự nghiệp của sách trung ương./.

Phụ lục II
CTMTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo công văn số 2807/BTC-HCSN ngày 29/3/2023 của Bộ Tài chính)

1. Nội dung kiến nghị số 05 (tỉnh Tuyên Quang)

Theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ vốn của Chương trình cho các địa phương quy định đối với hoạt động bảo vệ rừng như sau: Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng = $0,004 \times a$ (a là diện tích khoán). Tuy nhiên, tại khoản 3 và khoản 4, Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định mức hỗ trợ cho giao khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng là 400.000 đồng/ha/năm, ngoài ra còn có thêm 02 nội dung chi kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng và kinh phí lập hồ sơ là 50.000 đồng/ha chưa có nguồn vốn để thực hiện nội dung này.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg quy định mức hỗ trợ khoán bảo vệ rừng như sau: Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng = $0,004$ (số điểm) $\times a$ (a là số ha), trong đó quy định 1 điểm được hỗ trợ 100 triệu đồng.

Theo đó, mức hỗ trợ cho giao khoán bảo vệ rừng và hỗ trợ bảo vệ rừng là 400.000 đồng/ha/năm, bằng mức hỗ trợ được quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2022/TT-BTC¹.

- Căn cứ đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) trong quá trình đề xuất xây dựng Thông tư số 15/2022/TT-BTC² và kế thừa quy định tại Thông tư số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT³, tại khoản 3 và khoản 4 Điều 10 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định: “3. *Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính bằng 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ của chủ rừng và không trùng với các chương trình, dự án khác, được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3.*

4. *Kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng: 50.000 đồng/ha; kinh phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung: 900.000 đồng/ha, được bố trí trong tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng,*

¹ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

² Công văn số 1027/BNN-KTHT ngày 01/3/2021 của Bộ NN&PTNT đề xuất các nội dung cần quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC

³ Thông tư số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020.

hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3.

Việc hỗ trợ kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung chỉ thực hiện 01 lần trước khi tiến hành khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung.”

Theo đó, kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu và kinh phí lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3.

+ Thực hiện Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Tuyên Quang được bổ sung có mục tiêu kinh phí thực hiện Dự án 3 của Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 155.776 triệu đồng⁴ (không giao chi tiết kế hoạch vốn cho các tiểu dự án).

+ Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường như sau: *“Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án của tỉnh theo quy định của pháp luật.”*

Căn cứ dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Tuyên Quang trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh cùng cấp phân bổ và giao dự toán thực hiện Dự án 3 cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo khớp đúng về tổng mức, lĩnh vực chi.

Do đó, việc phân bổ kinh phí để thực hiện các Tiểu dự án của Dự án 3 Chương trình thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Tuyên Quang.

2. Nội dung kiến nghị số 06 (tỉnh Tuyên Quang)

Tại Kế hoạch số 43/KH-ĐCT ngày 03/6/2022 và Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về hướng dẫn triển khai Dự án 8, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã xây dựng dự kiến kinh phí hỗ trợ trang thiết bị cơ bản phục vụ cho công tác truyền thông cho các tổ truyền thông tại cơ sở. Tuy nhiên, Thông tư số 15/2022/TT-BTC chưa hướng dẫn cụ thể về nội dung chi này, vì vậy khó khăn trong công tác lập dự toán và triển khai thực hiện.

⁴ Trong đó năm 2022 là 50.782 triệu đồng, năm 2023 là 106.994 triệu đồng

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Ngày 05/02/2021, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có công văn số 5394/ĐCT-KHTC gửi Bộ Tài chính đề xuất các nội dung cần quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC, trong đó, đối với nội dung “*Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em*”, Hội đề xuất quy định nội dung chi như sau:

“Cung cấp một số trang thiết bị cơ bản (micro, loa cầm tay, loa kéo...) trên cơ sở rà soát lại những thiết bị truyền thông đã được trang bị tại cấp thôn bản.

Tuy nhiên, Dự án 6 về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch có nội dung thành lập và trang bị cho 25.000 tổ văn nghệ thôn bản và các câu lạc bộ văn hóa truyền thống. Nếu các tổ này ở thôn bản đã được trang bị thiết bị truyền thông thì Dự án 8 sẽ không cần đầu tư để tránh lãng phí.”

- Tại khoản 8 Điều 34 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định nội dung thực hiện Dự án 6 như sau: “8. *Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư*

a) Nội dung chi

- *Khảo sát, điều tra, thống kê, thu thập thông tin để xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian;*

- *Mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tài liệu phục vụ xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian;*

- *Tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy văn hóa dân gian. Thời gian tổ chức do thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định;*

- *Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ định kỳ (tập luyện, biểu diễn văn hóa - nghệ thuật, cuộc thi văn nghệ dân gian)...*

b) Mức chi theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và thực tế phát sinh theo các hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp.”

- Năm 2022, tỉnh Tuyên Quang được giao kinh phí thực hiện Dự án 6 (sự nghiệp văn hóa thông tin) là 5.040 triệu đồng.

Do đó, đề nghị tỉnh Tuyên Quang rà soát các nội dung chi thực hiện Dự án 6, trong đó có hỗ trợ mua vật tư, nguyên vật liệu, dụng cụ, tài liệu phục vụ xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian để lồng ghép với nội dung chi hỗ trợ trang thiết bị cơ bản phục vụ cho công tác truyền thông cho các tổ truyền thông tại cơ sở tại Dự án 8, đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

3. Nội dung kiến nghị số 09 (tỉnh Yên Bái)

Theo điểm b khoản 14 Điều 34 Thông tư số 15/2022/TT-BTC nội dung hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi được hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/tủ. Tuy nhiên, theo điểm b khoản 2 Điều 26 Thông tư 53/2022/TT-BTC nội dung chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho thư viện, tủ sách cấp xã tối đa 50 triệu đồng/tủ. Do có sự khác nhau về mức hỗ trợ thực hiện cùng nội cho các xã khác nhau trên cùng địa bàn tỉnh Yên Bái nên Yên Bái chưa có cơ sở hướng dẫn thực hiện.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại điểm b khoản 14 Điều 34 Thông tư 15/2022/TT-BTC quy định hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như sau: *“Mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/tủ sách trong giai đoạn 2021-2025”*

- Tại điểm b khoản 2 Điều 26 Thông tư 53/2022/TT-BTC quy định hỗ trợ xây dựng tủ sách cho thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

“- Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách;

- Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách;

- Tủ sách thôn: 30 triệu đồng/tủ sách;”

Như vậy, Thông tư 53/2022/TT-BTC quy định nhiều mức hỗ trợ cho các tủ sách cộng đồng từ cấp thôn, xã và huyện. Trong khi Thông tư 15/2022/TT-BTC chỉ quy định đối với hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã với mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/tủ sách. Mức này được quy định trên cơ sở mức dự kiến hỗ trợ tại Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng CTMTQG PTKTXH VDBDTTS&MN.

Do đó, việc đề xuất quy định mức hỗ trợ thống nhất với CTMTQG Nông thôn mới (50 triệu đồng/01 tủ sách) sẽ không đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện Chương trình vì nguồn kinh phí thực hiện đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Vì vậy, đối với kinh phí hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã được giao kinh phí từ nguồn CTMTQG PTKTXH VDBDTTS&MN, đề nghị hỗ trợ theo mức quy định tại điểm b khoản 14 Điều 34 Thông tư 15/2022/TT-BTC. Đối với nội dung hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng lấy từ nguồn kinh phí khác, đề nghị thực hiện theo các văn bản hướng dẫn liên quan.

4. Nội dung kiến nghị số 10 (tỉnh Bắc Kạn)

Nội dung xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc Dự án 5: Hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể, chi tiết, định mức các khoản chi.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC đã quy định: *“Xây dựng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy xóa mù chữ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư này;”*

Tại Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC đã quy định nội dung, mức chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (Tiểu dự án 1- Dự án 5):

“1. Xây dựng tài liệu phục vụ hướng dẫn dạy xóa mù chữ: áp dụng nội dung và mức chi quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 51/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán, thanh quyết toán kinh phí biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục của địa phương thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

2. Thiết kế công nghệ, thiết bị lưu trữ cơ sở dữ liệu về xóa mù chữ, dạy học xóa mù chữ: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

3. Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

4. Thông tin, tuyên truyền về công tác xóa mù chữ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

5. Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi ngân sách nhà nước được giao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ.

6. Chi hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm cho giáo viên và học viên: theo thực tế phát sinh; riêng hỗ trợ học phẩm cho học viên áp dụng theo tiêu chuẩn từng bậc học quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT.”

Do đó, đối với nội dung xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc Dự án 5, đề nghị địa phương thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 và Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC. Ngoài ra, đối với chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ, đề nghị UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) giao thực hiện Chương trình.

5. Nội dung kiến nghị số 11 (tỉnh Bắc Kạn)

Tại Mục 2, chương VII Thông tư số 02/2022/TT-UBND. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp chưa quy định nội dung chi và mức chi đối với nội dung này.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại khoản 2 Điều 60 Thông tư số 02/2022/TT-UBND quy định về bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật (Tiểu dự án 2 - Dự án 9) như sau:

“a) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại địa phương.

b) Hỗ trợ, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông liên quan về hôn nhân, dân số và gia đình cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tuyên truyền và ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng đồng bào DTTS&MN.

c) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu, thăm quan, học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại trung ương, địa phương.”

- Tại Điều 47 Thông tư số 15/2022/TT-BTC đã quy định về nội dung truyền thông, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện Dự án 9 như sau:

“1. Truyền thông nâng cao nhận thức

a) Nội dung chi

- Biên soạn, cung cấp tài liệu, tập huấn về kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về hôn nhân và gia đình;

- Tổ chức các hội nghị lồng ghép, hội thảo, tọa đàm, giao lưu văn hóa, nhằm tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù và trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tổ chức các hội thi tìm hiểu về pháp luật về hôn nhân, về kết hôn tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống;

b) Mức chi thực hiện theo các nội dung, mức chi tương ứng quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án. Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

3. Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện mô hình, dự án và thực hiện các chính sách: thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư này.”

Do đó, đối với nội dung bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật (Tiểu dự án 2 - Dự án 9), đề nghị địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 47 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

6. Nội dung kiến nghị số 12 và số 33 (tỉnh Bắc Kạn, Quảng Trị)

- Địa phương gặp khó khăn thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 về “b) Nguồn kinh phí bố trí trong dự toán thực hiện Chương trình của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo, tập

huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên, cán bộ, công chức, viên chức, người không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố được cử đi học; chi phí phát sinh khi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng dưới hình thức đào tạo từ xa và các khoản chi khác có liên quan)”.

- Có sự chưa thống nhất giữa quy định tại điểm a với điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC, trong đó: (1) Nếu thực hiện theo quy định tại điểm a thì cơ quan cử cán bộ đi tập huấn sẽ thực hiện việc chi trả cho người đi học; (2) Ngược lại, nếu thực hiện theo quy định tại điểm b thì cơ quan tổ chức tập huấn chi trả cho người học.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Ngày 29/11/2022, Bộ Tài chính đã có công văn số 12487/BTC-HCSN trả lời Sở Tài chính Bắc Kạn về nội dung nêu trên, cụ thể như sau:

- Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025 (Chương trình); ngày 04/3/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 15/2022/TT-BTC, trong đó:

Điểm a khoản 1 Điều 4 quy định: *“Nội dung chi, mức chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố ở phường, thị trấn; người không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp) thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 03 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức”*

- Theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC:

+ Đối với chi tổ chức đào tạo cán bộ công chức, viên chức trong nước và chi tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trong nước:

. Điểm c khoản 1 Điều 4 và khoản 1 Điều 5 quy định chi đào tạo cán bộ công chức, viên chức trong nước có nội dung chi: hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập; chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ. Mức chi căn cứ khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho cán bộ công chức được cử đi đào tạo đảm bảo nguyên tắc không vượt quá mức chi hiện hành của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

. Điểm c khoản 3 Điều 4 và điểm h khoản 2 Điều 5 quy định chi tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức có nội dung chi: hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập trung; hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ

quan đến nơi học tập; thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung. Kinh phí hỗ trợ được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của cơ quan, đơn vị cử cán bộ công chức, viên chức đi bồi dưỡng. Mức chi căn cứ khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho các bộ công chức được cử đi đào tạo đảm bảo nguyên tắc không vượt quá mức chi hiện hành của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

+ Đối với chi tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ:

Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC quy định: *“Chi tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sử dụng nguồn đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị”*.

- Theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC, trường hợp đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp tham dự hội nghị mà cơ quan chủ trì tổ chức hội nghị có tổ chức ăn tập trung thì được chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp (trường hợp phải tổ chức ăn tập trung, mức khoán tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC không đủ chi phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị căn cứ tính chất từng cuộc họp và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao quyết định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu này cao hơn mức khoán bằng tiền nhưng tối đa không vượt quá 130% mức khoán bằng tiền nêu trên; đồng thời thực hiện thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị).

Như vậy, theo quy định nêu trên, đối với cán bộ công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước được hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung. Đối với cán bộ công chức, viên chức được cử đi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị có tổ chức ăn tập trung sẽ thực hiện thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của cán bộ công chức, viên chức theo mức tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị; trường hợp mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung cao hơn mức khoán bằng tiền quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC thì được chi bù chênh lệch giữa mức chi thực tế nhưng tối đa không vượt quá 130% mức khoán bằng tiền theo quy định.

- Điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định: *“Nguồn kinh phí bố trí trong dự toán thực hiện Chương trình của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên, cán bộ, công chức, viên*

chức, người không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố được cử đi học; chi phí phát sinh khi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng dưới hình thức đào tạo từ xa và các khoản chi khác có liên quan).”

Theo quy định nêu trên, nguồn kinh phí hỗ trợ cán bộ công chức, viên chức được cử đi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực được bố trí trong dự toán thực hiện Chương trình của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực (bao gồm cả chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ).

7. Nội dung kiến nghị số 16 (tỉnh Phú Thọ)

Về hình thức thanh toán các khoản hỗ trợ cho mô hình, Thông tư 02/2022/TT-UBND và Thông tư số 15/2022/TT-BTC chưa quy định cụ thể hình thức thanh toán, chỉ hướng dẫn về mức hỗ trợ đối với nội dung này.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Đối với hình thức thanh toán các khoản hỗ trợ cho mô hình, đề nghị đơn vị thực hiện trên cơ sở Quyết định phê duyệt mô hình của cấp có thẩm quyền và trong phạm vi dự toán được giao theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và hóa đơn chứng từ để thực hiện

8. Nội dung kiến nghị số 18 (tỉnh Bắc Giang)

Tiêu Dự án 1, Dự án 3: Tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định: *Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính bằng 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ....* Hiện nay chưa quy định cụ thể mức tỷ lệ % kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu đối với cơ quan chủ quản đầu tư và đơn vị cơ sở (chủ đầu tư), do vậy khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 15/2022/TT-BTC⁵ kế thừa quy định⁶ tại khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT, cụ thể: “*3. Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu hàng năm được tính bằng 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung của chủ rừng thuộc sở hữu nhà nước và không trùng với các chương trình, dự án khác, được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.*”

⁵ 3. Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính bằng 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ của chủ rừng và không trùng với các chương trình, dự án khác, được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiêu Dự án 1, Dự án 3.

⁶ Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại công văn số 1207/BNN-KTHT ngày 01/3/2021 đề xuất các nội dung trong quá trình xây dựng Thông tư số 15/2022/TT-BTC

- Thực hiện Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán NSTW năm 2022 thực hiện 03 CTMTQG và Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2023, tỉnh Bắc Giang được bổ sung có mục tiêu kinh phí thực hiện Dự án 3 của CTMTQG PTKTXH VDBDTTS&MN là 20.310 triệu đồng (không giao chi tiết kế hoạch vốn cho các tiểu dự án).

- Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường như sau: *“Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án của tỉnh theo quy định của pháp luật.”*

Do đó, căn cứ dự toán được giao để thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 3, đề nghị UBND tỉnh Bắc Giang trình HĐND tỉnh cùng cấp quyết định phân bổ tỷ lệ chi phí quản lý kiểm tra, nghiệm thu đối với cơ quan chủ quản đầu tư và đơn vị cơ sở (chủ đầu tư) trên cơ sở tổng mức hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

9. Nội dung kiến nghị số 20 và số 35 (tỉnh Sơn La, Quảng Ngãi)

- Thông tư 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của UBND hướng dẫn triển khai Tiểu dự án 2 Dự án 10 trên cơ sở Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, chưa hướng dẫn rõ những nội dung để thực hiện chuyển đổi số giai đoạn 2021-2030. Bên cạnh đó, tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC không có hướng dẫn chi của nội dung này.

- Tại Điều 58 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 chưa quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động chuyển đổi số trong thực hiện Chương trình.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Ngày 02/11/2022, Bộ Tài chính đã có công văn số 11290/BTC-HCSN gửi UBND về việc góp ý dự thảo Đề án chuyển đổi số trong quản lý, tổ chức triển khai CTMTQG PTKTXH VDBDTTS&MN, cụ thể như sau:

- Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định một số mức chi chung của các dự án thuộc Chương trình, trong đó khoản 4 quy định chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn các dự án như sau:

“a) Chi các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ

Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

b) Chi tạo lập thông tin điện tử: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

- Điều 58 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định nội dung chi đặc thù về chi ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng ĐB DTTSMN (Tiểu dự án 2 Dự án 10) như sau:

“1. Nội dung chi

a) Tổ chức hội nghị, hội thảo, các buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo trung ương và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo trung ương;

b) Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự;

c) Hỗ trợ duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 8 Điều 4 Thông tư này.”

Do đó, đề nghị địa phương căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 4 và Điều 58 Thông tư số 15/2022/TT-BTC để triển khai, thực hiện. Đối với các nhiệm vụ thực hiện bằng hình thức mua sắm hoặc thuê dịch vụ từ nguồn chi thường xuyên, đề nghị địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Ngoài ra, hiện nay Ủy ban dân tộc đang hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền ban hành Đề án chuyển đổi số trong quản lý, tổ chức triển khai CTMTQG PTKTXH VDBD TT&MN làm cơ sở để các đơn vị triển khai thực hiện.

10. Nội dung kiến nghị số 23 (tỉnh Lai Châu)

Chưa thống nhất về đối tượng cụ thể về “*Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc nhóm đối tượng 3 và 4 cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 771/QĐ-TTg và đối tượng thuộc lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*” giữa quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư số 02/2022/TT-UBND và điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg quy định đối tượng được bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc và dạy tiếng dân tộc thiểu số (Tiểu dự án 2- Dự án 5) như sau: “*Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

. Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”

- Tại điểm a khoản 1 Điều 21 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định đối tượng được bồi dưỡng kiến thức dân tộc và tiếng dân tộc thiểu số như sau: “a) *Đối tượng*

- *Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 2, 3 và 4 khoản 1 mục I Điều 1 Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”;* lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- *Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.”*

Theo đó, đối tượng được bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc và dạy tiếng dân tộc thiểu số (Tiểu dự án 2- Dự án 5) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Thông tư số 15/2022/TT-BTC là đúng theo đối tượng được quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg. Do đó, đề nghị địa phương căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg và Thông tư số 15/2022/TT-BTC để triển khai thực hiện.

11. Nội dung kiến nghị số 24 (tỉnh Lai Châu)

Tại Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cụ thể các nội dung chi, mức chi thực tế phát sinh cho hoạt động thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Nội dung 3, Tiểu dự án 2, Dự án 3, cụ thể như sau: Thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí điện nước; chi phí thuê bàn ghế trưng bày sản phẩm; chi công tác phí triển khai dự án...

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại điểm e khoản 1 Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định về hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (Tiểu dự án 2 – Dự án 5) như sau: “*Chi các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối.*”

- Tại điểm e và điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC đã quy định:

“ e) *Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, chiến dịch truyền thông lồng ghép:*

- *Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 50.000 đồng/người/buổi;*

- *Tiền công cho người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/buổi. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định số lượng người tham gia chiến dịch tuyên truyền, truyền thông trong phạm vi dự toán được giao;*

- *Tiền công phát thanh viên: 60.000 đồng/người/buổi;*

- Hỗ trợ chi phí xăng xe: 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm tổ chức;

- Chi thuê phương tiện, trang trí, ảnh tư liệu, thuê hội trường, phòng, bát, bàn, ghế, thiết bị âm thanh, máy chiếu, máy vi tính và các chi phí hợp lý khác. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp, trong phạm vi dự toán được duyệt.

g) Chi tổ chức các cuộc thi phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến; tổ chức ngày hội, giao lưu, liên hoan, trình diễn, tái hiện, thực nghiệm phục vụ hoạt động chuyên môn của các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần bao gồm: ...Chi khác phục vụ cuộc thi, ngày hội, giao lưu, liên hoan, trình diễn, tái hiện, thực nghiệm theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và thực tế phát sinh trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ hợp pháp; trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao”.

Do đó, đối với các chi phí cho hoạt động thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm như: thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí điện nước; chi phí thuê bàn ghế trưng bày sản phẩm; chi công tác phí triển khai dự án... thuộc nội dung 3, Tiểu dự án 2, Dự án 3, đề nghị địa phương thực hiện theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và thực tế phát sinh trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

12. Nội dung kiến nghị số 25 (tỉnh Lai Châu, Điện Biên)

Tại Điều 17 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính chưa quy định rõ quy định về “Dự toán duy tu bảo dưỡng sửa chữa nhỏ theo dạng dự toán thực hiện như công trình đầu tư thông thường (theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC) áp dụng theo hướng dẫn Bộ xây dựng với đơn giá xây dựng đầy đủ hay lập theo dạng dự toán thực hiện như công trình đầu tư theo cơ chế đặc thù”.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại Điều 17 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định về lập và giao dự toán kinh phí: “a) Hằng năm, căn cứ quy trình duy tu, bảo dưỡng và hiện trạng công trình, chủ đầu tư lập danh mục công trình, hạng mục công trình cần duy tu, bảo dưỡng; thông báo kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đến người dân, tổ, nhóm cộng đồng thảo luận công khai trước khi hoàn thiện kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và dự toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng công trình;

Quy trình lập và giao dự toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Căn cứ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; các quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chủ đầu tư thực hiện đàm phán và ký kết hợp đồng với đại diện tổ, nhóm cộng đồng thực hiện duy tu, bảo dưỡng.”

- Tại điểm 3 văn bản số 5316/BXD-GĐ ngày 22/11/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quy trình, thủ tục quản lý chất lượng thi công, nội dung, định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định về định mức chi phí thực hiện công tác bảo trì như sau: *“Theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Nghị định số 10/2021/NĐ-CP), dự án, công trình xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia áp dụng nguyên tắc, phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan phù hợp với đặc thù về tính chất và điều kiện thực hiện công trình thuộc Chương trình.”*

Do đó, đối với quy trình lập dự toán, giao dự toán, thanh toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng có sự tham gia của cộng đồng, đề nghị thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và các văn bản hướng dẫn liên quan.

13. Nội dung kiến nghị số 36 (tỉnh Quảng Ngãi)

Tại Điều 59 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình; không quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động quản lý Chương trình nên khó khăn cho hoạt động của các cơ quan quản lý Chương trình.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg quy định các nội dung thực hiện Tiểu dự án 3 – Dự án 10 về kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình với mục tiêu thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình như sau: *“+ Xây dựng Bộ chỉ số theo dõi thực hiện, khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án; xây dựng chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện (áp dụng công nghệ 4.0, phần mềm ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động);*

+ Xây dựng, thí điểm, tập huấn và vận hành phần mềm giám sát đánh giá, đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát và đánh giá phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý Chương trình;

+ Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương, gồm cả cơ quan chủ trì và các ban ngành tham gia tổ chức thực hiện Chương trình;

+ Tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình;

+ Tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình;

- + Tổ chức chỉ đạo thực hiện điểm Chương trình tại một số địa bàn phù hợp;
- + Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở cấp Trung ương và các cấp địa phương.”

Theo đó, tại Điều 59 Thông tư số 15/2022/TT-BTC đã quy định nội dung và mức chi theo đúng các nội dung được quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg. Đề nghị địa phương rà soát, nghiên cứu các nội dung và mức chi cụ thể theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg và Điều 59 Thông tư số 15/2022/TT-BTC để thực hiện đối với các nội dung chi liên quan đến quản lý Chương trình sử dụng nguồn NSTW để thực hiện.

Đối với các nội dung chi quản lý Chương trình không được quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg và Thông tư số 15/2022/TT-BTC, đề nghị sử dụng dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ để thực hiện.

14. Nội dung kiến nghị số 41 (tỉnh Lâm Đồng)

Tại Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định về “Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị”, tại Mục 4 quy định: “Đối với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thì thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế”. Tuy nhiên nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế hiện chưa có hướng dẫn về định mức hỗ trợ, nên địa phương chưa triển khai thực hiện được.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định: “Đối với các địa phương không có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thì thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.”

- Tại Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC đã quy định về hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, cụ thể: Lập dự toán kinh phí thực hiện dự án; mức hỗ trợ tối đa đối với 01 dự án; phương thức hỗ trợ; nội dung, mức chi xây dựng và quản lý dự án; nội dung hỗ trợ chuyên môn của dự án; Chi tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người tham gia dự án; Chứng từ quyết toán các dự án; Quản lý và quyết toán đối với nguồn vốn quay vòng (hiện vật hoặc tiền mặt) của các dự án có quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ.

Do đó, đề nghị địa phương nghiên cứu nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế tại Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC để tổ chức thực hiện.

15. Nội dung kiến nghị số 47 (tỉnh Cà Mau)

Tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC chưa quy định rõ nguồn kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ là nguồn NSTW hay nguồn NSDP.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

Tại khoản 4 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định về nội dung chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ, cụ thể: *“Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi ngân sách nhà nước được giao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ.”*

Theo đó, nguồn kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ được bố trí trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm cho các địa phương để thực hiện Chương trình, theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ trong tổng dự toán được giao.

16. Nội dung kiến nghị số 49 (tỉnh Phú Thọ)

Về nguyên tắc thực hiện tại Điều 26, Thông tư số 02/2022/TT-UBND và Thông tư số 15/2022/TT-BTC chỉ quy định chung phải có hợp đồng thu mua sản phẩm cho ít nhất 15 hộ gia đình thuộc địa bàn xã khu vực III. Tuy nhiên, chưa có quy định rõ ràng về hợp đồng, hồ sơ thanh toán, hình thức thanh toán.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-UBND quy định: *“Mỗi xã ĐBKK có tối thiểu 1 mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp được hỗ trợ. Mô hình được hỗ trợ phải tạo việc làm, có hợp đồng thu mua sản phẩm cho ít nhất 15 hộ gia đình thuộc địa bàn xã khu vực III.”*

- Tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 15/2022/TT-BTC quy định: *“Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện, tài liệu làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan, đơn vị được giao dự toán gồm: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, văn bản đề nghị thanh toán kinh phí của cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng ký kết, ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hóa đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do cơ quan trực tiếp thực hiện hợp đồng lưu giữ.”*

Cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã ký kết, trực tiếp sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.”

Như vậy, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 15/2022/TT-BTC đã quy định về hồ sơ thanh toán. Đối với nội dung hợp đồng và hình thức thanh toán, đề nghị căn cứ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và hóa đơn chứng từ để thực hiện./.

Phụ lục III
CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo công văn số 2807/BTC-HCSN ngày 29/3/2023 của Bộ Tài chính)

1. Nội dung kiến nghị số 4 và số 39 (tỉnh Hậu Giang, Đắc Nông)

- Tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính; trong đó có nhiều nội dung chỉ và thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ; ngành liên quan. Trong khi đó hướng dẫn của một số Bộ, ngành chậm ban hành dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Thông tư số 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính dẫn dắt đến quá nhiều thông tư, văn bản khác nên rất khó để thực hiện.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 11 nội dung thành phần và 6 Chương trình chuyên đề; đồng thời giao 17 Bộ, ngành, cơ quan trung ương chủ trì các nội dung thành phần và ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn. Do đó, việc Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới, trong đó có quy định nội dung và mức chi cụ thể của từng nội dung thành phần và từng chương trình chuyên đề cần thiết phải căn cứ vào các nội dung chuyên môn của Chương trình do các Bộ, ngành cơ quan trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ ban hành và nội dung của 6 chương trình chuyên đề sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tại điểm c Khoản 1 mục VI CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hướng dẫn về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/08/2022 của Bộ Tài chính chỉ quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình; quy định mức chi trên cơ sở các nội dung thực hiện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương chủ trì các nội dung thành phần hướng dẫn.

- Mặt khác, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ban hành sau Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí vốn sự nghiệp đối với CTMTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

Do đó, để đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa các CTMTQG và hướng dẫn nội dung chi, mức chi trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của các Bộ, cơ quan có liên quan, Thông tư số 53/2022/TT-BTC dẫn chiếu thực hiện một số nội dung, mức chi theo các thông tư, văn bản có liên quan để các địa phương tổ chức thực hiện thuận lợi, thống nhất và lồng ghép có hiệu quả đối với 3 CTMTQG.

Đến nay, các Bộ ngành đã ban hành các văn bản hướng dẫn. Do đó, đề nghị địa phương căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành, cơ quan trung ương được giao chủ trì nội dung thành phần để tổ chức, triển khai thực hiện. Trường hợp phát sinh vướng mắc, khó khăn trong tổ chức thực hiện, đề nghị địa phương nêu cụ thể nội dung vướng mắc chi từ nguồn ngân sách trung ương, đề xuất nội chi và mức chi cụ thể đảm bảo phù hợp với Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 và các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành có liên quan để gửi Bộ Tài chính rà soát, nghiên cứu, có ý kiến trả lời.

2. Nội dung kiến nghị số 13, 17 và 37 (tỉnh Bắc Kạn, Phú Thọ, Ninh Thuận)

- Tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính không quy định nội dung hỗ trợ công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm.

- Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 còn thiếu quy định về một số nội dung liên quan đến chi cho công tác tuyên truyền, xử lý nước thải hoặc một số nội dung không được quy định rõ ràng gây khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Vướng mắc trong đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí thu nhập theo Bộ Tiêu chí theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Theo quy định của Bộ tiêu chí, chỉ tiêu của tiêu chí thu nhập thay đổi hàng năm và để đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí cần phải điều tra, thu thập thông tin hàng năm để đánh giá kết quả thực hiện. Tuy nhiên, theo Quyết định số 1245/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán tiêu chí về thu nhập thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo phương pháp mới, chọn mẫu, điều tra, đánh giá. Quy trình này đòi hỏi phải có kinh phí, nhân lực có trình độ chuyên môn để thực hiện nhưng theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính không có khoản mục chi cho nội dung này, gây khó khăn cho cơ sở trong việc thực hiện.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại điểm c Khoản 1 mục VI CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hướng dẫn về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình. Vì vậy, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/08/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

(Thông tư số 53/2022/TT-BTC) chỉ hướng dẫn áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương.

- Trong quá trình tổng hợp ý kiến tham gia góp ý xây dựng Thông tư số 53/2022/TT-BTC, một số địa phương đã có ý kiến về công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước của địa phương, kinh phí thực hiện bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị; đồng thời, việc cấp nước sạch sinh hoạt ở nông thôn cơ bản do các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp trên cơ sở đảm bảo theo quy định về bộ chỉ số của nước sạch của cơ quan có thẩm quyền quy định.

Do đó, Thông tư số 53/2022/TT-BTC không quy định nội dung, mức chi từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm. Đối với nội dung chi kiểm tra, giám sát, đánh giá và xây dựng Bộ chỉ số theo dõi, thực hiện đối với Chương trình và các nội dung thành phần thuộc Chương trình, Bộ Tài chính đã quy định nội dung và mức chi tại Điều 45 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

- Đối với một số nội dung chi địa phương kiến nghị chưa quy định rõ ràng hoặc không quy định, Bộ Tài chính đã quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC, cụ thể:

+ Tại Điều 9 quy định về chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn và mức chi tối đa từ nguồn ngân sách trung ương không quá 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ quy định tại Thông tư, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ.

Đối với nội dung cụ thể của mô hình, đề nghị địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN và PTNT) do thuộc nhiệm vụ Bộ NN và PTNT được Thủ tướng Chính phủ giao hướng dẫn tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022.

+ Tại Khoản 1 Điều 47 quy định cụ thể nội dung chi thông tin, truyền thông cho các nội dung thuộc các nội dung thành phần của Chương trình và quy định mức chi tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

+ Tại Điều 5 quy định nội dung, mức chi liên quan đến chi thuê chuyên gia trong nước, tổ chức tư vấn độc lập, chi điều tra, khảo sát, đánh giá, thống kê...

Do đó, đề nghị địa phương căn cứ các quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC để tổ chức triển khai thực hiện. Trường hợp phát sinh vướng mắc, khó khăn trong tổ chức thực hiện, đề nghị địa phương nêu cụ thể nội dung

vướng mắc chi từ nguồn ngân sách trung ương, đề xuất nội dung chi và mức chi cụ thể đảm bảo phù hợp với Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 và các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành có liên quan để gửi Bộ Tài chính rà soát, nghiên cứu, có ý kiến trả lời.

3. Nội dung kiến nghị số 27 (tỉnh Hải Phòng)

Thông tư số 53/2022/TT-BTC chỉ quy định đối tượng áp dụng là các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp từ NSTW. Do vậy, không áp dụng được đối với các địa phương tự cân đối ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại điểm c Khoản 1 mục VI CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hướng dẫn về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình.

- Ngày 12/08/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, trong đó tại điểm a, điểm c Khoản 1 Điều 1 Thông tư quy định phạm vi điều chỉnh như sau:

“a) Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình theo Quyết định số 263/QĐ-TTg;

c) Đối với các nội dung thuộc Chương trình có lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác được áp dụng quy định tại Thông tư này theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này). Các địa phương chủ động bố trí kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách địa phương để cùng với kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện có hiệu quả các nội dung thành phần, nội dung của Chương trình trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg, Điều 7 và Điều 8 Mục 2 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg;”

Theo đó, đối với nguồn kinh phí ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác được áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 53/2022/TT-BTC và Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

4. Nội dung kiến nghị số 30 (tỉnh Nam Định)

Thông tư số 53/2022/TT-BTC chưa quy định một số nội dung chi trong một số Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyên đề.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Quyết định phê duyệt các Chương trình chuyên đề như sau: Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/08/2022 phê

duyet Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 phê duyệt Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Tại điểm c Khoản 1 mục VI CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hướng dẫn về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình

- Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao, trên cơ sở các Quyết định phê duyệt Chương trình chuyên đề nêu trên, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/08/2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình, trong đó quy định nội dung và mức chi thực hiện các Chương trình chuyên đề được ngân sách trung ương hỗ trợ tại Thông tư như sau:

(1) Điều 13 chi triển khai Chương trình OCOP quy định cụ thể nội dung và mức chi gồm: Chi hỗ trợ xây dựng Đề án, Kế hoạch cấp tỉnh, huyện; hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, xây dựng hồ sơ sản phẩm...; chi hỗ trợ tăng cường chuyển đổi số trong truyền thông, xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP; chi hỗ trợ xây dựng bộ công cụ hướng dẫn chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn sản phẩm tham gia chương trình theo Bộ tiêu chí OCOP; tài liệu hướng dẫn, tập huấn, đào tạo...; chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP; chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên thực tế; chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu các sản phẩm OCOP; chi hỗ trợ chi phí bao bì, in tem; chi tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thường niên...

(2) Điều 19 chi thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới quy định cụ thể nguyên tắc thực hiện; nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí và các định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ ngành chức năng ban hành (nay là Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính); Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của liên Bộ Tài chính – Bộ Khoa

học và công nghệ quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; đồng thời quy định cụ thể mức chi hỗ trợ dự án xây dựng mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(3) Điều 20 chi thực hiện Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới quy định cụ thể nội dung và mức chi gồm: Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền; chi hỗ trợ truyền thông, xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn; chi tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng; chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(4) Điều 32 chi hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới quy định nội dung và mức chi đối với chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số 925/QĐ-TTg.

(5) Điều 34 chi hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh quy định nội dung và mức chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg.

(6) Khoản 2 Điều 43 chi tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Ngoài ra, Thông tư đã quy định các nội dung và mức chi đối với công tác kiểm tra, giám sát; tổ chức Hội nghị, hội thảo; đào tạo tập huấn; thông tin, tuyên truyền các nội dung thuộc các nội dung thành phần của Chương trình tại Điều 45, Điều 46 và Điều 47 Thông tư số 53/2022/TT-BTC, thuộc nội dung thành phần số 11 của CTMTQG Xây dựng nông thôn mới do kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương thực hiện 6 Chương trình chuyên đề được bố trí trong kinh phí thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Do vậy, đề nghị địa phương căn cứ các Quyết định phê duyệt các Chương trình chuyên đề, Thông tư số 53/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành, cơ quan trung ương được giao chủ trì nội dung thành phần để tổ chức, triển khai thực hiện. Đối với các nội dung ngoài phạm vi hỗ trợ của ngân sách trung ương, đề nghị các địa phương chủ động cân đối, bố trí từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn vốn lồng ghép và các nguồn vốn huy động khác theo phê duyệt tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các Chương trình chuyên đề và tổ chức thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

Trường hợp phát sinh vướng mắc, khó khăn trong tổ chức thực hiện, đề nghị địa phương nêu cụ thể nội dung vướng mắc chi từ nguồn ngân sách trung ương, đề xuất nội dung và mức chi cụ thể đảm bảo phù hợp với Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022, các Quyết định phê duyệt các chương trình

chuyên đề và các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành có liên quan để gửi Bộ Tài chính rà soát, nghiên cứu, có ý kiến trả lời.

5. Nội dung kiến nghị số 40 và 43 (tỉnh Gia Lai, Lâm Đồng)

- Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/08/2022 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn NSTW thực hiện CTMTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; theo đó tại Điều 13 quy định về chi triển khai Chương trình OCOP; trong đó quy định các nội dung chi hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP như: Hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, xây dựng hồ sơ sản phẩm; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP; Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu các sản phẩm OCOP; Chi hỗ trợ chi phí bao bì, in tem...Tuy nhiên, Thông tư không quy định mức chi cụ thể nên chưa có đủ cơ sở để phân bổ kinh phí, hỗ trợ triển khai thực hiện.

- Tại Điều 13, Thông tư số 53/2022/TT-BTC có nội dung Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); tuy nhiên trong đó có một số khoản không quy định về định mức hỗ trợ ngân sách nhà nước tối đa trên 1 đơn vị sản phẩm hoặc trên 1 đơn vị chủ thể, do đó gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Tại điểm c Khoản 1 mục VI CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hướng dẫn về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương (kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình. Vì vậy, ngày 12/08/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Do đó, tại Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC, Bộ Tài chính đã quy định các nội dung chi và mức chi triển khai Chương trình OCOP từ nguồn ngân sách trung ương, trong đó:

+ Chi hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, xây dựng hồ sơ sản phẩm bao gồm chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm, thuê chuyên gia tư vấn xây dựng đề án, kế hoạch, xây dựng câu chuyện sản phẩm. Mức chi thuê chuyên gia trong nước và tổ chức tư vấn độc lập phục vụ hoạt động chuyên môn của từng nội dung, nội dung thành phần thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC. Mức chi điều tra, khảo sát, đánh giá, thống kê thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

+ Chi thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói. Mức chi thuê chuyên gia trong nước và tổ chức tư vấn độc lập để thiết kế thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

+ Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên thực tế (hỗ trợ biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm OCOP,...). Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu các sản phẩm OCOP. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

+ Chi hỗ trợ chi phí bao bì, in tem. Mức hỗ trợ thực hiện theo hóa đơn thực tế và quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/08/2022 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 (Chương trình OCOP), Chương trình OCOP gồm đa dạng các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ du lịch có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị văn hóa, lợi thế của địa phương.

Mức hỗ trợ đối với các sản phẩm chương trình OCOP tại các địa phương khác nhau do từng địa phương quyết định phụ thuộc vào từng sản phẩm OCOP gắn với lợi thế vùng miền tại từng địa phương, phụ thuộc vào nguồn kinh phí thực hiện bao gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn vốn huy động khác theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ các quy định nêu trên, tùy theo từng nội dung hoạt động cụ thể của Chương trình OCOP, nguồn kinh phí thực hiện và các quy định tại Điều 5, Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ triển khai Chương trình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

6. Nội dung kiến nghị số 44 (tỉnh Lâm Đồng)

Tại Điều 24 và Điều 25 Thông tư số 53/2022/TT-BTC chưa có quy định để thực hiện văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế đối với các nội dung về: *“Chi tăng cường chất lượng dịch vụ mạng lưới y tế cơ sở, đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; Chi cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em”* để căn cứ thực hiện.

Bộ Tài chính trả lời như sau:

- Nội dung về chi tăng cường chất lượng dịch vụ mạng lưới y tế cơ sở, đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm đã được Bộ Tài chính hướng dẫn tại Điều 24 Thông tư số 53/2022/TT-BTC. Tại thời điểm Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC, Bộ Y tế chưa ban hành văn bản hướng dẫn và đề xuất nội dung chi, do đó Điều 24 Thông tư số 53/2022/TT-BTC đã quy định: *Nội dung chi cho các hoạt động thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Mức chi thực hiện theo quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trường hợp sau khi Bộ Y tế ban hành văn bản hướng dẫn phát sinh các nội dung chi đặc thù mà chế độ chi tiêu tài chính hiện hành không có quy định, Bộ Y tế chủ trì đề xuất*

nội dung, mức chi cụ thể và thuyết minh cơ sở pháp lý, cơ sở đề xuất gửi Bộ Tài chính nghiên cứu ban hành văn bản để thực hiện.

Tuy nhiên, đến nay, Bộ Tài chính chưa nhận được đề xuất của Bộ Y tế liên quan đến phát sinh các nội dung chi đặc thù. Sau khi nhận được đề xuất của Bộ Y tế, Bộ Tài chính sẽ nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn để các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện.

- Nội dung chi cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em đã được Bộ Tài chính quy định tại Điều 25 Thông tư số 53/2022/TT-BTC, theo đó nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 15 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/07/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và áp dụng cho đối tượng phụ nữ và trẻ em dưới 5 tuổi, cụ thể như sau:

+ Chi hỗ trợ can thiệp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng: (1) Chi xây dựng các tài liệu chuyên môn thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC; (2) Chi theo dõi, khảo sát, đánh giá định kỳ, phân loại tình trạng dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng, khẩu phần, chế độ ăn, thói quen tiêu thụ thực phẩm thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC và các nội dung, mức chi đặc thù trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cụ thể...; (3) Chi tổ chức các buổi hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em dựa trên các sản phẩm, thực phẩm tại địa phương thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Thông tư số 15/2022/TT-BTC; (4) Chi hỗ trợ duy trì việc theo dõi, quản lý và điều trị trẻ em bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng tại cộng đồng...; (5) Chi bổ sung vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; vi chất dinh dưỡng, sản phẩm dinh dưỡng/chế phẩm dinh dưỡng, thuốc tẩy giun cho trẻ em suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng, mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt...; (6) Chi xây dựng hướng dẫn và triển khai mô hình can thiệp cải thiện tình trạng dinh dưỡng, an ninh dinh dưỡng đặc thù cho từng vùng miền; xây dựng thực đơn dinh dưỡng thực hiện theo quy định tại các Điều 7, 8 và 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

+ Chi mua, tiếp nhận, vận chuyển, tiêu hủy vi chất dinh dưỡng, thuốc tẩy giun, sản phẩm dinh dưỡng/chế phẩm dinh dưỡng, trang thiết bị, vật tư, hóa chất, hàng hóa theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc mua sắm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 46/2022/TT-BTC. Chi vận chuyển (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC./.